

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LỤC BA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *05* /QĐ-UBND

Lục Ba, ngày *05* tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán Ngân sách
Nhà nước xã Lục Ba quý 4 năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỤC BA

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ biên bản thảo luận kế hoạch thu chi ngân sách xã Lục Ba năm 2023 ngày 30/11/2022 giữa UBND xã Lục Ba và phòng Tài chính- Kế hoạch huyện Đại Từ, chi cục thuế khu vực Sông Công- Đại Từ

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 23/12/2022 của HĐND xã Lục Ba về phê duyệt dự toán ngân sách xã Lục Ba năm 2023;

Xét đề nghị của ban Tài chính xã Lục Ba.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi Ngân sách xã Lục Ba quý 4 năm 2023 (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

- Hình thức công khai: Đăng lên cổng thông tin điện tử của xã, gửi các trưởng xóm, niêm yết tại xóm, niêm yết tại trụ sở UBND ít nhất 30 ngày, phát trên loa truyền thanh của xã vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối ít nhất 02 lần trong 1 tuần trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký quyết định công khai.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, ban Tài chính xã Lục Ba tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện
- Phòng tài chính Huyện Đại Từ, KBNN;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP, ban tài chính;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Đức Tuấn



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 4 năm 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Lạc Ba)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 8868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước huyện Đại từ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐND của HĐND xã Lạc Ba họp ngày 29/12/2020 về phân bổ dự toán ngân sách xã Lạc Ba năm 2023 và kết quả thực hiện các chỉ tiêu thu chi ngân sách của UBND xã Lạc Ba 9 tháng đầu năm 2023. UBND xã Lạc Ba báo cáo số liệu cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ

I - ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Thu chi ngân sách quý 4 năm 2023 xã Lạc Ba nhìn chung đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, và có những thuận lợi, khó khăn như sau:

- Thuận lợi:

Công tác thu chi ngân sách thường xuyên được sự quan tâm của Đảng ủy, HĐND và UBND sự quan tâm giúp đỡ của phòng Tài chính-KH huyện, Kho bạc NN huyện trong việc quản lý và điều hành ngân sách, sự phối hợp của chi cục Thuế huyện cho nên quý 4 năm đã hoàn thành thu trên địa bàn đưa các chỉ tiêu trong năm 2023 hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Chi ngân sách đảm bảo kịp thời các nhiệm vụ chi lương, phụ cấp, bảo hiểm xã hội cho cán bộ, kinh phí hoạt động của Đảng, HĐND, các ban ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội.

Cấp kinh phí cho các nhiệm vụ phát sinh như tăng lương cơ sở....

- Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi như trên, công tác thu chi Ngân sách quý 4 năm 2023 của UBND xã Lạc Ba vẫn còn những hạn chế, khó khăn một số khoản thu còn đạt thấp, kinh phí phát sinh cho Đại hội nhiệm kỳ của hội Nông dân và hội nạn nhân Da cam không được cấp mà phải cân đối từ chi thường xuyên ngân sách xã cho nên khó khăn cho việc cân đối các khoản chi tại xã.



II- Kết quả thực hiện dự toán ngân sách quý 4 năm 2023

1. Thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách:

Tổng thu quý 4: 3.549.270.867 đạt 65,72% KH

Trong đó:

- Thu trợ cấp: 2.564.827.100 đồng
- Thu chuyển nguồn: 805.406.411 đồng
- Thu cân đối: 35.331.733 đồng

(có biểu số 113,114/CKTC-NSNN kèm theo)

2. Chi ngân sách.

Thực hiện chi quý 4: 2.135.025.911

Trong đó:

- 2.1 Chi đầu tư: 642.797.000 đồng
- 2.2 Chi thường xuyên: 1.492.228.911 đồng

(có biểu số 115/CKTC-NSNN kèm theo)

III- Đánh giá chung trong việc thực hiện dự toán ngân sách quý 4 năm 2023:

Nhìn chung công tác thu ngân sách trên địa bàn đạt kế hoạch đề ra, chi ngân sách đảm bảo kịp thời cho hoạt động chuyên môn cũng như thanh toán chế độ tiền lương và phụ cấp cho cán bộ.





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 4 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Lục Ba)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (6 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3
I	Tổng số thu	5.400.674.000	3.549.270.867	65,72
1.	Các khoản thu 100%	47.000.000	35.331.733	75,17
2.	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	83.000.000	128.287.592	154,56
3.	Thu chuyển nguồn	333.765.000	805.406.411	241,31
4.	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.936.909.000	2.564.827.100	51,95
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.936.909.000	1.200.894.000	24,32
	- Bổ sung có mục tiêu		1.363.933.100	
II.	Tổng số chi	4.913.941.000	2.135.025.911	43,45
1.	Chi đầu tư phát triển		642.797.000	
2.	Chi thường xuyên	4.913.941.000	1.492.228.911	30,37
3.	Dự phòng			



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ

Quý 4 Năm 2023

Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Lục Ba)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	5.500.674.000	5.400.674.000	2.636.962.369	3.549.270.867	47,94	65,72
I. Các khoản thu 100%	47.000.000	47.000.000	21.080.000	35.331.733	44,85	75,17
- Phí, lệ phí	16.000.000	16.000.000	3.580.000	12.831.733	22,38	80,2
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	26.000.000	26.000.000	17.500.000	17.500.000	67,31	67,31
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu khác	5.000.000	5.000.000		5.000.000		100
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	183.000.000	83.000.000	35.637.238	128.287.592	19,47	154,56
1. Các khoản thu phân chia	23.000.000	23.000.000	12.105.238	49.473.047	52,63	215,1
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				2.627.666		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	7.000.000	7.000.000		7.100.000		101,43
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	16.000.000	16.000.000	12.105.238	39.745.381	75,66	248,41
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	160.000.000	60.000.000	23.532.000	78.814.545	14,71	131,36
- Thuế giá trị gia tăng	60.000.000	60.000.000	4.060.000	78.814.545	6,77	131,36
- Thuế TNDN	30.000.000					
- Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000		19.472.000		27,82	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	333.765.000	333.765.000		805.406.411		241,31
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			15.418.031	15.418.031		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.936.909.000	4.936.909.000	2.564.827.100	2.564.827.100	51,95	51,95
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.936.909.000	4.936.909.000	1.200.894.000	1.200.894.000	24,32	24,32
- Bổ sung có mục tiêu			1.363.933.100	1.363.933.100		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ

Quý 4 Năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của UBND xã Lục Ba)

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Tổng chi ngân sách xã	4.913.941.000		4.913.941.000	2.135.025.911	642.797.000	1.492.228.911	43,45		30,36
1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	700.194.384		700.194.384	206.933.674		206.933.674	29,55		29,55
- Chi dân quân tự vệ	452.818.384		452.818.384	84.868.532		84.868.532	18,74		18,74
- Chi trật tự an toàn xã hội	247.376.000		247.376.000	122.065.142		122.065.142	49,34		49,34
2. Chi giáo dục					300.000.000				
3. Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4. Chi y tế	42.912.000		42.912.000	47.376.000		47.376.000	110,4		110,4
5. Chi văn hóa, thông tin	30.000.000		30.000.000	52.300.000		52.300.000	174,33		174,33
6. Chi phát thanh, truyền hình									
7. Chi thể dục, thể thao	24.000.000		24.000.000						
8. Chi bảo vệ môi trường									
9. Chi các hoạt động kinh tế	31.500.000		31.500.000	304.414.000	315.000.000		966,39		
- Giao thông	11.500.000		11.500.000	304.414.000	315.000.000		2.647,08		
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	20.000.000		20.000.000						
- Thị chính									
- Thương mại, du lịch									
- Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.917.515.616		3.917.515.616	1.156.664.337	27.797.000	1.156.664.337	29,53		29,53
Trong đó: Quỹ lương				1.011.186.479		1.011.186.479			
10.1. Quản lý Nhà nước	1.969.235.383		1.969.235.383	559.633.298	27.797.000	531.836.298	28,42		28,42
10.2. Hội đồng nhân dân	316.494.510		316.494.510	84.076.809		84.076.809	26,57		26,57
10.3. Đảng Cộng sản Việt Nam	627.960.110		627.960.110	182.850.719		182.850.719	29,12		29,12
10.4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	435.788.173		435.788.173	120.836.390		120.836.390	27,73		27,73
10.5. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	110.744.860		110.744.860	35.146.431		35.146.431	31,74		31,74
10.6. Hội Liên hiệp Phụ nữ	110.744.860		110.744.860	32.242.364		32.242.364	29,11		29,11
10.7. Hội Cựu chiến binh	102.041.770		102.041.770	43.169.904		43.169.904	42,31		42,31
10.8. Hội Nông dân	129.447.950		129.447.950	28.605.422		28.605.422	22,1		22,1
10.9. Hội Chữ Thập đỏ	24.585.000		24.585.000	6.967.000		6.967.000	28,34		28,34
10.10. Hội Người cao tuổi	26.105.000		26.105.000	9.884.000		9.884.000	37,86		37,86
10.11. Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	6.860.000		6.860.000	42,63		42,63

10.12. Chi hỗ trợ khác								
10.13. Hội Cựu Thanh niên XP	16.092.000	16.092.000	20.766.000	20.766.000	129,05		129,05	
10.14. Hội Đông Y	16.092.000	16.092.000	18.766.000	18.766.000	116,62		116,62	
10.15. Hội Nạn nhân Da cam	16.092.000	16.092.000	6.860.000	6.860.000	42,63		42,63	
11. Chi cho công tác xã hội	167.819.000	167.819.000	110.803.544	110.803.544	66,03		66,03	
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	167.819.000	167.819.000	58.240.544	58.240.544	34,7		34,7	
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa								
- Trợ cấp xã hội			52.563.000	52.563.000				
- Khác								
12. Chi khác								
13. Dự phòng								
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau								

